

Bản án số: 74/2020/HS - ST

Ngày: 29/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hợp.

2. Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2020/TLST - HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Văn T**, Sinh ngày 29 tháng 01 năm 1963;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: Xóm 8, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 07/10. Con ông: Đỗ Văn H (*Đã chết*); Con bà: Hoàng Thị V, Sinh năm 1934, trú tại thành phố Buôn Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk. Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (*đã ly hôn*). Con: có 02 con. Con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993. Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình.

Tiền án: có 01 tiền án - Tại Bản án số 14/HS, ngày 22/5/2000 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ xử phạt T 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và 24 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 48 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt bổ sung 20 triệu đồng ngày 01/6/2020.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại bản số 28/HS, ngày 07/8/1986 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt T 03 năm tù về tội “Đầu cơ và đưa hối lộ”.

+ Bản án số 09/HS, ngày 27/6/1991 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xử phạt T 12 tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản riêng của công dân”.

+ Bản án số 38/2005/HSST ngày 09/9/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ xử phạt T 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Bản số 35/2007/HSST ngày 27/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ xử phạt T 36 tháng tù giam, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Án phí và hình phạt bổ sung được miễn thi hành ngày 09/9/2015 (đã được xóa án tích)

+ Bản số 01/2008/HSST ngày 28/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ xử phạt T 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với bản án số 35/2007/HSST ngày 27/11/2007, buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai bản án là 10 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/8/2016 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Người chứng kiến:**

1. Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1973 (*Có mặt tại phiên tòa*);

Trú quán: Xóm 6, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Trương Văn H, sinh năm 1964 (*Có mặt tại phiên tòa*);

Trú quán: Xóm 6, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 30/5/2020 tổ công tác Công an xã H tiến hành tuần tra, kiểm soát tại khu vực xóm 6, xã H, huyện Đại Từ đã phát hiện đối tượng Đỗ Văn T có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra thì T tự giác giao nộp 01 túi ni lông màu trắng bên trong có 05 gói nhỏ được gói bằng hai lớp (*lớp ngoài là nilong màu đen, lớp trong là giấy màu trắng*), chứa chất bột màu trắng T cất giấu trong túi áo ngực bên trái đang mặc (*T khai là Heroin*). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ gồm 05 gói chất bột màu trắng (*được niêm phong trong phong bì kí hiệu A*) và chuyển toàn bộ hồ sơ đến cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ đề giải quyết theo thẩm quyền.

Cùng ngày cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp người, nơi ở, đồ vật đối với Đỗ Văn T kết quả không thu giữ gì.

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 30/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ phối hợp với Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành cân xác định khối lượng chất bột màu trắng (*nghi là Heroine*) thu giữ của Đỗ Văn T có khối lượng là 1,699 gam, niêm phong trong phong bì kí hiệu là A1 gửi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 731/KL - KTHS, ngày 05/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất bột màu trắng trong mẫu A1 (*thu giữ của T*) là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 1,699gam.

Tại cơ quan điều tra Đỗ Văn T khai nhận: Bản thân T là người nghiện ma túy nên T đã đi mua Heroine về với mục đích để sử dụng cho bản thân nên

khoảng 10 giờ ngày 30/5/2020, T từ nhà bắt xe buýt một mình xuống khu vực bến xe khách (cũ), thành phố Thái Nguyên để tìm mua Heroine. Đến nơi, T gặp một người đàn ông (*không biết tên và địa chỉ*), qua giao dịch T đã mua của người đàn ông 01 gói Heroine được gói bằng nilong màu trắng (*bên trong có 05 gói nhỏ gói bằng lớp nilong màu đen, bên trong lớp nilong màu đen là lớp giấy màu trắng*) với giá 2.000.000 đồng. Sau khi mua được Heroine, T cất giấu ở túi áo ngực bên trái đang mặc rồi bắt xe buýt đi về nhà. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, T xuống xe tại khu vực ngã ba mỏ thiếc thuộc xóm 6, xã H, huyện Đại Từ, khi đang đi bộ tại khu vực đường bê tông thì bị tổ công tác Công an xã H phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Vật chứng của vụ án gồm: 02 phong bì niêm phong ký hiệu A1, A2. Hiện đang được bảo quản, lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 70/CT - VKSDT ngày 14/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Đỗ Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX. *Tuyên bố*: bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. *Áp dụng*: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. *Xử phạt*: bị cáo Đỗ Văn T mức án từ 24 đến 30 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, thấy:

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến nội dung phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng VKS đã truy tố; lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS quy định:

“ Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

c. Heroin.... Có khối lượng từ 0,1 đến dưới 05 gam”

[3]. Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo: tính chất của vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến việc quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo xuất thân từ gia đình lao động, được nuôi ăn học, có đầy đủ nhận thức các việc làm đúng sai của bản thân nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện nên đã trở thành đối tượng nghiện chất ma túy và đã nhiều lần bị xét xử về các tội có ý.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX thấy, Bị cáo Đỗ Văn T là người đã người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật để nhận thức rõ các việc làm đúng sai, bản thân đã nhiều lần bị xét xử về các tội có ý, đến nay có tội chưa được xóa án tích và mắc nghiện ma túy không từ bỏ được, tuy nhiên ngày 30/5/2020 vẫn tiếp tục cố tình tàng trữ 1,699 gam gam heroin mục đích để sử dụng cho bản thân. Như vậy, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật nên cần phải có hình phạt tù nghiêm khắc mới có cơ hội cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Về vật chứng của vụ án: 02 phong bì niêm phong ký hiệu A1, A2 là ma túy còn lại sau giám định, Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST sung công quỹ Nhà nước.

[9]. Các nội dung có liên quan khác:

Về nguồn gốc Heroine T khai mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực bến xe khách cũ thành phố Thái Nguyên. Quá trình điều tra do không xác định được lai lịch địa chỉ của người đàn ông trên nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Đỗ Văn T** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt: bị cáo **Đỗ Văn T 30** (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 30/5/2020.

Áp dụng: Điều 329 BLTTHS quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS. Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong kí hiệu A1, A2.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong quyết định chuyển vật chứng số 60/QĐ - VKSDT ngày 14/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ và các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **Đỗ Văn T** phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Bị cáo; UBND xã H;
- Lưu VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên